

Bản án số: 51/2025/DS-ST

Ngày 06/03/2025

V/v Tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Sâm**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Trung Thành**.

Ông **Trần Trung Nhân**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Liêu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Huỳnh Phương Huy**, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 559/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công Ty Cổ Phần S

Trụ sở chính: Số D, phường B, thành phố V, tỉnh N.

Đại diện theo pháp luật: Ông K- Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh **Lê Gia H**, sinh năm 1997.

Chức vụ: Nhân viên Công Ty Cổ Phần S.

Địa chỉ liên hệ: Số 93 - 97, ĐT 875, ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh T

(Giấy uỷ quyền ngày 26/11/2024).

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

(Anh H có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là anh Lê Gia H trình bày:

Vào ngày 09/12/2023, chi nhánh Tân Lý Tây – Công Ty Cổ Phần S và ông Nguyễn Thanh N có ký hợp đồng mua bán tài sản số LYM231201003NA21X đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia, cụ thể: Tài sản mua bán là 01 xe mô tô hai bánh BKS 63D1 – 256.42; Loại xe Vario Indo, màu nâu xanh xám; Số khung MH1KF4123MK435100 – Số máy KF41E2439039; Số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000262 do Công an xã An Cư cấp ngày 21/10/2022.

Giá bán 60.541.866 đồng, thời hạn trả là 18 tháng (09/12/2023 – 09/6/2025), số tiền thanh toán mỗi tháng là 3.363.437 đồng.

Theo hợp đồng mua bán đã ký thì Công ty đã tiến hành giao xe cho ông Nguyễn Thanh N. Ông Nguyễn Thanh N sẽ trả dần số tiền mua chiếc xe trên trong vòng 18 tháng, số tiền thanh toán mỗi tháng là 3.363.437 đồng như đã thỏa thuận.

Quá trình trả dần số tiền mua xe ông Nguyễn Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho Công ty từ ngày 09/02/2024, đến nay đã quá hạn hợp đồng, ông Nguyễn Thanh N không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Tạm tính đến ngày 17/9/2024 ông Nguyễn Thanh N đã thanh toán cho SAWAD số tiền là 3.363.437 đồng, ông Nguyễn Thanh N còn nợ Công Ty Cổ Phần S số tiền mua xe chưa trả là 62.021.778 đồng.

Nay Công Ty Cổ Phần S yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh N phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số 63D1 – 256.42, loại xe Vario Indo, số khung MH1KF4123MK435100, số máy KF41E2439039 theo hợp đồng mua bán đã ký với chi nhánh Tân Lý Tây – Công Ty Cổ Phần S số LYM231201003NA21X ngày 09/12/2023.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh N không trả lại xe, buộc ông Nguyễn Thanh N thanh toán số tiền 62.021.778 VNĐ tính đến ngày 17/9/2024, bao gồm: Tiền mua xe còn lại là 57.178.429 đồng; Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4.843.349 đồng.

Ngoài ra ông Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục trả phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn từ ngày 17/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh N: Đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho Công Ty Cổ Phần S số tiền gốc còn nợ là 57.178.429 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Thanh N

phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số 63D1 – 256.42, loại xe Vario Indo, số khung MH1KF4123MK435100, số máy KF41E2439039 theo hợp đồng mua bán đã ký với chi nhánh Tân Lý Tây – Công Ty Cổ Phần S số LYM231201003NA21X ngày 09/12/2023; Buộc ông Nguyễn Thanh N thanh toán phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng tính đến ngày 17/9/2024 là 4.843.349 đồng; Ông Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục trả phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn từ ngày 17/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Bị đơn ông N vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông N có nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty Cổ Phần S số tiền 57.178.429 đồng. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu mà Công Ty Cổ Phần S đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Thanh N là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng ông N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N trong vụ án này.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua xe còn nợ là 57.178.429 đồng nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà Công Ty Cổ Phần S cung cấp thể hiện, thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn đã có thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán xe vào ngày 09/12/2023 với giá bán là 60.541.866 đồng, thời hạn trả là 18 tháng (09/12/2023 – 09/6/2025), số tiền thanh toán mỗi tháng là

3.363.437 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng phía Công ty cũng đã tiến hành giao xe cho ông N và ông N cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua xe cho Công ty với số tiền 3.363.437 đồng, còn nợ lại 57.178.429 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho Công ty từ ngày 09/02/2024.

Xét thấy, hợp đồng mua bán xe được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, không trái quy định pháp luật, việc ông N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công Ty Cổ Phần S đúng hạn là đã vi phạm hợp đồng. Đối với ông N trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông N theo luật định nhưng ông N vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, ông N cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện sự không phản bác đối với việc khởi kiện của nguyên đơn cũng như đối với các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp tại Tòa. Từ đó, xác định việc ông N có mua xe và hiện còn nợ lại tiền mua xe của Công Ty Cổ Phần S số tiền 57.178.429 đồng theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại các theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu gồm: Buộc ông Nguyễn Thanh N phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số 63D1 – 256.42, loại xe Vario Indo, số khung MH1KF4123MK435100, số máy KF41E2439039 theo hợp đồng mua bán đã ký với chi nhánh Tân Lý Tây – Công Ty Cổ Phần S số LYM231201003NA21X ngày 09/12/2023; Buộc ông Nguyễn Thanh N thanh toán phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng tính đến ngày 17/9/2024 là 4.843.349 đồng; Ông Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục trả phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn từ ngày 17/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần S.

Buộc ông Nguyễn Thanh N có trách nhiệm trả cho Công Ty Cổ Phần S số tiền 57.178.429 đồng.

2. Kể từ ngày Công Ty Cổ Phần S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng ông N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần S đối với các yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Thanh N phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số 63D1 – 256.42, loại xe Vario Indo, số khung MH1KF4123MK435100, số máy KF41E2439039 theo hợp đồng mua bán đã ký với chi nhánh Tân Lý Tây – Công Ty Cổ Phần S số LYM231201003NA21X ngày 09/12/2023; Buộc ông Nguyễn Thanh N thanh toán phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng tính đến ngày 17/9/2024 là 4.843.349 đồng; Ông Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục trả phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn từ ngày 17/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu 2.858.921 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công Ty Cổ Phần S số tiền 1.550.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0016049 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sâm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Lê Quế Thanh